**Phụ lục 1**

**HƯỚNG DẪN KÝ HIỆU VÀ GHI THÔNG TIN BẮT BUỘC TRÊN HÓA ĐƠN**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC*

*ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính)*

**1.1. Tên loại hoá đơn:** Gồm: Hoá đơn giá trị gia tăng, Hoá đơn bán hàng; Hoá đơn xuất khẩu; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý; tem; vé; thẻ.

**1.2. Ký hiệu mẫu số hoá đơn (mẫu hoá đơn):** ký hiệu mẫu số hoá đơn có 11 ký tự

* 2 ký tự đầu thể hiện loại hoá đơn
* Tối đa 4 ký tự tiếp theo thể hiện tên hoá đơn
* 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của hóa đơn
* 01 ký tự tiếp theo là “/” để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.
* 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

Bảng ký hiệu 6 ký tự đầu của mẫu hóa đơn:

|  |  |
| --- | --- |
| Loại hoá đơn | Mẫu số |
| 1- Hoá đơn giá trị gia tăng.  2- Hoá đơn bán hàng.  3- Hoá đơn xuất khẩu.  4- Hóa đơn bán hàng (dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan).  5- Các chứng từ được quản lý như hóa đơn gồm:  + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển hàng hóa nội bộ;  + Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý. | 01GTKT  02GTTT  06HDXK  07KPTQ  03XKNB  04HGDL |

Ví dụ: Ký hiệu 01GTKT2/001 được hiểu là: Mẫu thứ nhất của loại hóa đơn giá trị gia tăng 2 liên.

- Đối với tem, vé, thẻ: Bắt buộc ghi 3 ký tự đầu để phân biệt tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng. Các thông tin còn lại do tổ chức, cá nhân tự quy định nhưng không vượt quá 11 ký tự.

Cụ thể:

* Ký hiệu 01/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn GTGT
* Ký hiệu 02/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn bán hàng

**1.3. Ký hiệu hoá đơn:** ký hiệu hoá đơn có 6 ký tự đối với hoá đơn của các tổ chức, cá nhân tự in và đặt in và 8 ký tự đối với hoá đơn do Cục Thuế phát hành.

* + 2 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu hóa đơn.

Ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y;

* + 3 ký tự cuối cùng thể hiện năm tạo hoá đơn và hình thức hoá đơn.

Năm tạo hoá đơn được thể hiện bằng hai số cuối của năm.

Ký hiệu của hình thức hoá đơn: sử dụng 3 ký hiệu:

E: Hoá đơn điện tử,

T: Hoá đơn tự in,

P: Hoá đơn đặt in.

- Giữa hai phần được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ:

AA/11E: trong đó AA: là ký hiệu hóa đơn; 11: hóa đơn phát hành năm 2011; E: là ký hiệu hóa đơn điện tử;

AB/12T: trong đó AB: là ký hiệu hóa đơn; 12: hóa đơn phát hành năm 2012; T: là ký hiệu hóa đơn tự in;

AA/13P: trong đó AA: là ký hiệu hóa đơn; 13: hóa đơn phát hành năm 2013; P: là ký hiệu hóa đơn đặt in.

Để phân biệt hoá đơn đặt in của các Cục Thuế và hoá đơn của các tổ chức, cá nhân, hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành).

Ví dụ: Hoá đơn do Cục thuế Hà Nội in, phát hành có ký hiệu như sau:

01AA/11P thể hiện Hoá đơn có ký hiệu do Cục Thuế Hà Nội đặt in, phát hành năm 2011;

03AB/12P thể hiện Hoá đơn có ký hiệu do Cục Thuế TP HCM đặt in, phát hành năm 2012.

*(Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC).*

**1.4. Số thứ tự hoá đơn:** ghi bằng dãy số tự nhiên liên tiếp trong cùng một ký hiệu hoá đơn, bao gồm 7 chữ số.

**1.5. Liên hoá đơn:** Mỗi số hoá đơn phải có từ 2 liên trở lên và tối đa không quá 9 liên, trong đó 2 liên bắt buộc:

* Liên 1: Lưu
* Liên 2: Giao cho người mua

Các liên từ liên thứ 3 trở đi được đặt tên theo công dụng cụ thể mà người tạo hoá đơn quy định.

**1.6. Tên, mã số thuế của tổ chức nhận in hóa đơn**: đặt ở phần dưới cùng, chính giữa hoặc bên cạnh của tờ hóa đơn./.